

LÝ THÁI TỔ (974 - 1028): TÂM NHÌN VÀ SỰ NGHIỆP THIÊN NIÊN KỶ

GS. TS Nguyễn Quang Ngọc*

Ngày 1 tháng 8 năm 2010, vừa tròn 1000 năm Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long được UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá Thế giới, vì nó “phản ánh một chuỗi lịch sử nối tiếp nhau liên tục của các vương triều cai trị đất nước Việt Nam trên các mặt tư tưởng, chính trị, hành chính, luật pháp, kinh tế và văn hoá trong gần một ngàn năm” và vì trên thế giới thật hiếm tìm thấy một di sản nào khác “thể hiện được tính liên tục lâu dài như vậy của sự phát triển chính trị, văn hoá”. Tất cả đều bắt đầu từ sự nghiệp sáng lập, tổ chức Vương triều Lý và định đô Thăng Long của Lý Thái Tổ.

1. Sáng lập Vương triều Lý

Lý Công Uẩn sinh ngày 12 tháng 2 Giáp Tuất (8/3/974) tại hương Diên Uẩn (làng Dương Lôi, phường Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Tuổi nhỏ, ông sống trong chùa ở quê và ngay từ khi đó đã bộc lộ đức độ, tài năng khác thường. Vạn Hạnh là người đầu tiên nhận ra ở ông tư chất tuyệt vời của một “bậc minh chủ trong thiên hạ”¹ và sớm định hướng và chuẩn bị cho ông đứng ra gánh vác trọng trách với đất nước: “Mới rồi tôi thấy chữ bùa sấm kỳ lạ, biết họ Lý cường thịnh, tất dấy lên cơ nghiệp. Nay xem trong thiên hạ người họ Lý rất nhiều, nhưng không ai bằng Thân vệ là người khoan thứ nhân từ được lòng dân, lại đang nắm giữ binh quyền trong tay, đứng đầu muôn dân, chẳng phải Thân vệ thì còn ai đương nổi nữa. Tôi đã hơn 70 tuổi rồi, mong được thư thả hây chết, để xem đức hoá của ông như thế nào, thực là cái may nghìn năm có một”². Để tạo nên sự ủng hộ rộng rãi của dư luận, ông đã “mượn” việc cây gạo làng Dương Lôi bị sét đánh rồi đệt nên điềm báo nhà Lê sắp hết, nhà Lý sẽ thay³. Ông còn là tác giả của nhiều câu chuyện khác báo hiệu sự xuất hiện của Vương triều Lý. Đây thực chất là một cuộc vận động sâu rộng, một sự chuẩn bị về tinh thần cho Lý Công Uẩn lên ngôi của giới Phật giáo. Vai trò của Vạn Hạnh trong suốt quá trình chuẩn bị đưa Lý Công Uẩn lên ngôi Hoàng đế mặc nhiên là vô cùng to lớn, nhưng không phải vì thế mà coi nhẹ, thậm chí phủ nhận thái độ tích cực và năng lực chủ quan của Lý Công Uẩn trong quá trình thành lập Vương triều.

* Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Giới Phật giáo mà tiêu biểu là Vạn Hạnh nhận thấy Lý Công Uẩn đúng là đại diện kiệt xuất của họ và tìm mọi cách động viên, khuyến khích, thậm chí là thúc ép ông không bỏ lỡ thời cơ, nhanh chóng giành lấy ngôi báu. Cái khát vọng của Vạn Hạnh và giới Phật giáo cùng đồng thời là ý chí, nghị lực và quyết tâm đến tột cùng của chính Lý Công Uẩn.

Lê Đại Hành qua đời, các con tranh cướp, đánh giết lẫn nhau, triều chính hỗn loạn, bầy tôi trốn chạy, duy có Lý Công Uẩn trước sau vẫn một lòng trung hậu với triều đình. Lê Ngoại Triều lên ngôi vô cùng cảm phục và trọng dụng ông⁴. Nhưng triều Tiền Lê càng ngày càng suy bại không có cách nào cứu vãn nổi, khiến Lý Công Uẩn không thể không nghĩ đến trọng trách của riêng mình. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng không phủ nhận Lý Công Uẩn: “từ đây cũng lấy thể tự phụ mới nẩy ra lòng nhòm ngó ngôi vua, mà người ta cũng quy phụ”⁵.

Cuối cùng thì Lê Ngoại Triều cũng đã dự cảm về một cuộc vận động lật đổ ngai vàng nhà Lê của họ Lý ngay trong nội bộ triều thần. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Có lần Ngoại Triều ăn quả khế lại thấy hạt mận, mới tin lời sấm ngữ, ngầm tìm người họ Lý giết đi, thế mà Công Uẩn ở bên cạnh rốt cục vẫn không biết”⁶. Lý Công Uẩn chắc chắn phải là người đầu tiên nằm trong tầm ngắm của vị hôn quân hung ác và tàn bạo này, thế nhưng vì sao ông lại có thể thoát được? Dân gian vùng Từ Sơn, Bắc Ninh giải thích là vì có Lý Nhân Nghĩa đã khôn khéo chứng minh với Lê Ngoại Triều cả họ Lý của mình và của Lý Công Uẩn đều không phải là họ gốc⁷. Dân các làng Tam Tảo, Hồi Quan (Từ Sơn, Bắc Ninh) còn kể về cuộc truy đuổi Lý Công Uẩn của quan quân nhà Tiền Lê. Ông may mắn được hai ông bà Trần Quý, Phương Dung che chở nên mới thoát nạn...

Công việc chuẩn bị lực lượng giành lấy ngai vàng của Lý Công Uẩn mới nhìn bề ngoài tưởng như nhẹ nhàng và bình lặng, nhưng trong thực tế đã được tính toán hết sức cẩn trọng, lường hết cả những bất trắc và hiểm nguy. Có thể hình dung quá trình vận động thành lập Vương triều Lý giống như một kịch bản mà tất cả những người trong cuộc, từ Lý Công Uẩn, Vạn Hạnh, Lý Nhân Nghĩa, Đào Cam Mộc, Lưu Khánh Đàm⁸... cho đến các quan lại, quân sỹ, sư tăng, phật tử và dân chúng cả nước, mỗi người một vị trí khác nhau, dù là vai chính hay vai phụ, đều góp phần tạo nên sự hoàn hảo cho đến từng chi tiết.

Giữa lúc đó, ngày 30 tháng 10 (tức 19 tháng 11) năm 1009, Lê Ngoại Triều qua đời, con nối còn nhỏ dại, trong khi đó Lý Công Uẩn với tài năng và đức độ của mình đã nổi lên như một vị cứu tinh, một quyền năng duy nhất có thể cứu vãn được tình hình đất nước. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cho hay Đào Cam Mộc biết Lý Công Uẩn có ý muốn nhận việc truyền ngôi, mới nói với Lý Công Uẩn: “Gần đây chúa thượng ngu tối bạo ngược, làm nhiều việc bất nghĩa, trời chán ghét nên không cho hết thọ, con nối thơ ấu, không kham nổi nhiều khó khăn. Mọi việc phiền nhiễu thần linh không ưa, dân chúng nhao nhác, mong tìm chân chúa. Sao Thân vệ không nhân lúc này nghĩ ra mưu cao quyết đoán sáng suốt, xa xem dấu cũ của Thang Vũ, gần xem việc làm của Đinh Lê, trên thuận lòng trời, dưới theo ý dân, mà cứ muốn khư khư giữ tiểu tiết làm gì!... Người trong nước ai cũng nói họ Lý khởi nghiệp lớn, lời sấm đã ra rồi, đó là cái hoạ không thể che giấu được nữa. Chuyển hoạ làm phúc chỉ trong sớm chiều. Đây là lúc trời trao người theo, Thân vệ còn nghi ngại gì nữa?..... Thân vệ là người khoan thứ, nhân từ, lòng người chịu theo. Hiện nay trăm họ mỏi mệt kiệt quệ, dân không chịu nổi, Thân vệ nên nhân đó lấy ân đức mà vỗ về, thì người ta tất xô nhau kéo về như nước chảy chỗ thấp có ai ngăn được!”⁹.

Cuộc trao đổi tinh tế mà thẳng thắn, hiểu nhau đến tận tâm can giữa Lý Công Uẩn và Đào Cam Mộc đã coi như hoàn tất toàn bộ công việc chuẩn bị. Lúc này, Đào Cam Mộc chính thức trở thành tổng đạo diễn cho lễ đăng quang lên ngôi Hoàng đế của Lý Công Uẩn. *Việt sử lược* cho hay Đào Cam Mộc “ngay ngày hôm ấy hội họp ở triều đường bàn rằng: “Nay ức triệu người có lòng khác, trên dưới lia đứ, người ta sợ sự hà ngược của tiên vương, không muốn theo về tự quân, mà đều có chí suy tôn Thân vệ. Lũ ta sao chẳng nhân lúc này, lập Thân vệ làm Thiên tử, nhớ ra có biến thì có giữ được đầu không?”. Do đó mọi người đều phò vua lên chính điện, lập làm Thiên tử, bách quan đều hô vạn tuế”¹⁰.

Sách *Việt sử lược* chỉ ghi Lý Công Uẩn lên ngôi Hoàng đế tại Kinh đô Hoa Lư vào tháng 11 năm Kỷ Dậu. *Đại Việt sử ký toàn thư* bổ sung thêm “ngày Quý Sửu”¹¹. Bài sấm ở làng Dương Lôi còn cho biết rõ giờ Lý Công Uẩn đăng quang¹². Kết hợp tất cả các nguồn thông tin trên có thể tính được một cách chính xác thời điểm Lý Công Uẩn lên ngôi Hoàng đế là vào khoảng từ 5 đến 7 giờ sáng ngày mùng 2 tháng 11 năm Kỷ Dậu (tức là ngày 21 tháng 11 năm 1009)¹³.

Lý Công Uẩn bằng tài năng và nỗ lực phi thường của mình, chuẩn bị chu đáo và cẩn trọng, được sự ủng hộ nhiệt thành của cả trong triều đình Hoa Lư và ngoài thiên hạ, nhanh chóng tranh thủ thời cơ tiếp nhận chuyển giao chính quyền nhẹ nhàng, êm thấm trong hoà bình. Đây chính là ưu thế tuyệt đối, là điều kiện đặc biệt thuận lợi, là cơ sở nền tảng để Lý Công Uẩn có thể yên tâm bắt tay ngay vào xây dựng một Vương triều thống nhất, tập quyền, thân dân và văn minh, thịnh trị.

Công việc đầu tiên của Lý Thái Tổ sau khi lên ngôi Hoàng đế là đại xá cho thiên hạ. Ông ra lệnh “đốt giềng lưới, bãi ngục tụng, xuống chiếu từ nay ai có việc tranh kiện cho đến triều tâu bày, vua thân xét quyết”¹⁴.

Theo sách *Việt sử lược*, ngay sau khi quần thần dâng tôn hiệu, Lý Công Uẩn truy tôn cha, mẹ, lập Hoàng hậu, phong tước cho con cái, anh, em ruột. Đào Cam Mộc, người có công đầu phò giúp thành lập Vương triều được phong là Nghĩa Tín Hầu và được Lý Thái Tổ gả con gái cả là Công chúa An Quốc. Trần Cảo được phong làm Tướng công, Ngô Đình làm Khu mật sứ, Quy Thạc Phụ làm Thái bảo, Đặng Văn Hiếu làm Thái phó, Bùi Xa Lỗi làm Tả Kim ngô, Đám Thần làm Tả Vũ vệ, Đỗ Gián làm Hữu Vũ vệ¹⁵...

Có thể hình dung đầy chính là hình ảnh đầu tiên của triều đình nhà Lý. Trong triều đình, Lý Thái Tổ đặt các chức quan đứng đầu là *Tể tướng* và *Á tướng*. Dưới *Tể tướng* và *Á tướng* có các cơ quan giúp việc như *Khu mật viện*. Đứng đầu *Khu mật viện* là *Tả sứ* và *Hữu sứ* trông coi việc binh.

Tại địa phương, Lý Thái Tổ cho chia lại các khu vực hành chính trong nước. Đơn vị hành chính đứng đầu cấp chính quyền địa phương gọi là *phủ, lộ; châu* Cổ Pháp được đổi làm *phủ* Thiên Đức, cố đô Hoa Lư thành *phủ* Trường Yên. Đến cuối tháng 12 năm 1010, Lý Thái Tổ cho đổi 10 *đạo* làm 24 *lộ*¹⁶, vùng núi thì gọi là *châu* hay *trại*... Quan lại đứng đầu *phủ, lộ* là *Tri phủ, Phán phủ*¹⁷, đứng đầu *châu* là *Tri châu*, những *châu* ở xa thì đặt chức *Quan mục*, thường do những tù trưởng địa phương đảm trách¹⁸.

Lý Thái Tổ là người tôn sùng đạo Phật, xây dựng một chính quyền sùng Phật và thân dân, đề cao tư tưởng từ bi, bác ái. Ông cho xây dựng chùa, tháp ở khắp mọi nơi trong Kinh thành và ngoài dân gian. Vị trí của nhà sư được đặc biệt đề cao; dân chúng được khuyến khích làm tăng, có đến “quá nửa làm sư sãi”, tư tưởng Phật giáo trở thành tư tưởng chính thống của Vương triều và quyết định các đường hướng phát triển của đất nước.

Năm 1013, Lý Thái Tổ cho định lại các lệ thuế trong nước từ thuế ruộng đất, ao hồ đến thuế bãi dâu, các thuế sản vật ở núi nguồn các phiên trấn, cửa ải¹⁹. Ông cũng liên tục nhiều năm tiến hành xá thuế cho dân. Tiếp sau đại xá thiên hạ, vào tháng 12 năm 1010, Lý Thái Tổ lại “đại xá các thuế khoá cho thiên hạ trong 3 năm, những người mồ côi, goá chồng, già yếu, thiếu thuế lâu năm đều tha cho cả”. Năm 1016, nhân được mùa to mà ông cũng “cho thiên hạ 3 năm không phải nộp thuế”, rồi năm sau, lại “xuống chiếu xá tở ruộng cho thiên hạ”...

Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận một thực tế là mức độ tập quyền của chính quyền buổi đầu nhà Lý là chưa cao, chưa kiểm soát được toàn bộ lãnh thổ đất nước. Khuynh hướng các địa phương nổi dậy chống lại chính quyền Trung ương vẫn thường xuyên diễn ra, nhiều vùng xa Kinh đô, nhất là các khu vực miền núi biên giới, triều đình chưa chi phối được chặt chẽ. Chính quyền ở các châu, huyện miền núi thực tế vẫn nằm trong tay các tù trưởng. Trong bối cảnh đó, Lý Thái Tổ một mặt phải tìm mọi cách lôi kéo các tù trưởng miền biên viễn, mặt khác kiên quyết trừng trị các thế lực ngoan cố cát cứ chống lại triều đình. Ông là vị Hoàng đế đầu tiên trong lịch sử Việt Nam thi hành chính sách “nhu viễn”, dùng quan hệ hôn nhân để ràng buộc, lôi kéo các châu mục, tù trưởng có thế lực, khiến họ thành tay chân của nhà vua, góp phần bảo vệ và giữ vững toàn vẹn cương thổ đất nước.

Trong quan hệ với các nước láng giềng, bao giờ Lý Thái Tổ cũng đặc biệt quan tâm đến quan hệ với nhà Tống. Vì mục đích bảo vệ an ninh quốc gia, an toàn của đất nước, Lý Thái Tổ không thể không quy định một số địa điểm cho thương nhân nước ngoài đến buôn bán và phải chịu sự kiểm soát của nhà nước. Đồng thời, ông tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho thương nhân Trung Quốc đến Đại Việt buôn bán cũng như cho thương nhân Đại Việt sang buôn bán ở Trung Quốc²⁰.

Vừa mới lên ngôi, đầu năm 1010, Lý Thái Tổ đã sai người “sang nước Tống để kết hoà hảo”²¹. Sau đó, ông liên tục cử người sang Tống để thăm hỏi, đáp lễ hay xử lý các mối bất hoà nảy sinh. Quan hệ Lý - Tống vào những thập kỷ đầu triều Lý, vì thế mà trở nên bình thường và êm đẹp. Cũng trong năm 1010, nhà Tống đã phong cho Lý Thái Tổ làm Giao Chỉ Quận Vương²² và 6 năm sau, năm 1016, ông được phong là Nam Bình Vương²³.

Khu vực biên giới Đại Việt - Chăm-pa tuy có diễn biến phức tạp vào năm 1020, nhưng về cơ bản vẫn ổn định. Ở phía tây nam, Chân Lạp tuy là một vương quốc mạnh, nhưng vẫn giữ quan hệ phụ thuộc và triều cống Đại Việt, trong đó thường xuyên và đều đặn nhất là dưới thời trị vì của Lý Thái Tổ²⁴.

Nhìn lại tổ chức Vương triều dưới thời Lý Thái Tổ, có thể thấy được bước tiến dài của Vương triều trong sứ mệnh củng cố, xây dựng và kiện toàn hệ thống chính trị, hành chính theo khuynh hướng quân chủ tập quyền thân dân. Đây là đóng góp rất quan trọng của Lý Thái Tổ không chỉ trong thời kỳ trị vì của ông mà cho toàn bộ Vương triều Lý và lịch sử phát triển của quốc gia Đại Việt.

2. Dời đô từ Hoa Lư ra Đại La

Kinh đô là trung tâm chính trị - hành chính và đi liền với nó là trung tâm quân sự, kinh tế và văn hoá của một đất nước. Bất cứ một triều đại, một thể chế chính trị nào khi nắm chính quyền, công việc đầu tiên phải là xác định vị trí đóng đô. Việc dời đô và định đô là công việc có ý nghĩa trọng đại “cốt để mưu nghiệp lớn, chọn ở chỗ giữa, làm kế cho

con cháu muôn vạn đời, trên kính mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu có chỗ tiện thì dời đổi, cho nên vận nước lâu dài, phong tục giàu thịnh”²⁵.

Vua Hùng dựng nước Văn Lang đóng đô ở chóp đỉnh thứ nhất của tam giác châu sông Hồng. An Dương Vương trong bối cảnh phát triển mới của nước Âu Lạc đã chuyển về xây dựng kinh đô ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội) thuộc trung tâm châu thổ sông Hồng. Lý Nam Đế là người đầu tiên nhận ra vị thế ưu việt của vùng đất ngã ba sông Hồng - Tô Lịch và đưa lên thành Quốc đô của Nhà nước Vạn Xuân. Sau đó, các chính quyền đô hộ Tùy, Đường đều chọn vùng đất này làm trung tâm của chính quyền đô hộ. Các chính quyền tự chủ đầu tiên của người Việt từ họ Khúc đến họ Dương những thập kỷ đầu thế kỷ thứ X cũng tiếp tục đóng đô ở thành Đại La.

Đình Bộ Lĩnh mặc dù đã hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước, lập ra Vương triều Đinh, nhưng thế và lực chưa đủ mạnh, tình hình vùng châu thổ sông Hồng vẫn còn phức tạp và quân Tống đang lăm le xâm lấn bờ cõi, nên không thể trụ lại ở Cổ Loa hay Đại La, mà trở về đóng đô trên đất bản bộ Hoa Lư. Trong 42 năm (968 - 1010), Kinh đô Hoa Lư đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của nó, tạo điều kiện cho triều Đinh và triều Tiền Lê củng cố chính quyền trung ương, bảo vệ nền độc lập dân tộc, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của quân Tống, giữ vững nền thống nhất quốc gia, đặt cơ sở cho bước phát triển toàn diện và trội vượt của đất nước.

Hoa Lư với địa thế núi non hiểm trở đã dần dần bộc lộ những hạn chế, không còn phù hợp với yêu cầu xây dựng đất nước trên quy mô lớn, đẩy mạnh sự nghiệp phát triển kinh tế, mở mang văn hoá. Dưới con mắt của Lý Công Uẩn “Thành Hoa Lư ảm thấp, chật hẹp, không đủ làm chỗ ở của đế vương”²⁶, khiến ông “không thể không dời”²⁷.

Lý Thái Tổ đã “xem khắp nước Việt” và nhận thấy chỉ có khu vực thành Đại La mới “là nơi thắng địa, thực là chỗ hội tụ quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời”²⁸. Ông đã thể hiện một cách tuyệt vời tầm nhìn xuyên thấu không gian, xuyên suốt thời gian khi giải thích: “Thành Đại La, đô cũ của Cao Vương, ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng đất này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh”²⁹. Như thế, hơn bất cứ một khu vực nào trong nước, khu vực thành Đại La theo quan niệm của Lý Thái Tổ, vốn là một Kinh đô, đã hội đủ được tất cả các điều kiện, các lợi thế để xây dựng một đế đô, kinh sư lâu dài, vĩnh viễn cho Vương triều và cho đất nước.

Tất cả những điều kiện tự nhiên và kết quả phát triển của lịch sử đã tạo dựng những tiền đề cho Đại La đóng vai trò Kinh đô của đất nước thời kỳ phục hưng dân tộc. Lý Thái Tổ không chỉ nhận thức sâu sắc tất cả những tiền đề đó, mà điều quan trọng hơn là ông hoàn toàn ký thác niềm tin của mình ở sức mạnh của đất nước, ở tương lai phát triển của dân tộc. Quyết định dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La của Lý Thái Tổ là kết quả của cả một quá trình chuẩn bị, trù tính, tìm chọn của cả dân tộc hàng nghìn năm, nên trở thành tuyệt đối đúng, đáp ứng được trọn vẹn không chỉ nhu cầu phát triển của đất nước, ý chí của Hoàng đế và Vương triều mà còn là nguyện vọng tha thiết của toàn dân.

Không giống với thông lệ, các văn bản chính thức của Vương triều thường do triều thần hoặc các cơ quan chuyên môn soạn thảo dâng lên cho Hoàng đế phê duyệt, *Chiếu dời đô*, theo sách *Đại Việt sử ký toàn thư* là do Lý Thái Tổ “tự tay viết”, không chỉ phản ánh một tư duy chiến lược bao quát, một tầm nhìn thiên niên kỷ, mà còn thể hiện trọn vẹn tấm lòng

vàng đá của bậc quân vương, trước sau chỉ hành động theo “mệnh trời” và “ý dân”. *Chiếu dời đô* sau khi trình bày rõ ràng, mạch lạc mục đích, lý do, địa điểm dời đô, Lý Thái Tổ đặt ra một câu hỏi: “Trẫm muốn nhân địa lợi ấy mà định nơi ở, các khanh nghĩ thế nào?”³⁰. Ở đây, Lý Thái Tổ tự đáy lòng mình muốn tham khảo ý kiến của quan lại trong triều và dân chúng. Đây là một mẫu mực hành xử của người đứng đầu chính quyền thân dân, tôn trọng và đề cao tiếng nói và đóng góp của dân trong những quyết sách lớn của triều đình. Và điều mà Lý Thái Tổ mong đợi đã được dân chúng đáp ứng một cách trọn vẹn: “Bệ hạ vì thiên hạ lập kế dài lâu, trên cho nghiệp để được thịnh vượng lớn lao, dưới cho dân chúng được đông đúc giàu có, điều lợi như thế, ai dám không theo”³¹.

Các nguồn tư liệu về cơ bản thống nhất cho rằng Lý Thái Tổ đã chọn đường thủy để tiến hành dời chuyển kinh đô từ Hoa Lư ra thành Đại La. Phương tiện phục vụ cho công cuộc dời đô chủ yếu bằng thuyền.

Theo *Ngọc phả* ở chùa Triều Linh, thôn Vũ Bị, xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam thì Đào Cam Mộc đã được Lý Thái Tổ giao cho trọng trách tổ chức công việc dời đô³².

Từ thành nội Hoa Lư, đoàn thuyền theo dòng Sào Khê ra sông Hoàng Long vào sông Đáy, ra đến sông Châu. Di tích và truyền thuyết dân gian vùng Đọi Sơn bên bờ sông Châu cũng xác nhận đoàn thuyền dời đô của Lý Thái Tổ đi qua đây³³. Theo sông Châu, đoàn thuyền ngược lên sông Hồng thẳng tiến về thành Đại La. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Mùa thu, tháng 7 (khoảng từ 13 tháng 8 đến 10 tháng 9 năm 1010), vua từ thành Hoa Lư, dời đô ra kinh phủ ở thành Đại La, tạm đỗ thuyền dưới thành, có rồng vàng hiện lên ở thuyền ngự, nhân đó đổi tên thành gọi là thành Thăng Long”³⁴. Tuy sử không chép cụ thể, nhưng có thể biết đoàn thuyền dời đô của Lý Thái Tổ từ Hoa Lư ra cập bến Đông Bộ Đầu.

3. Kinh đô Thăng Long những thập kỷ đầu triều Lý

Ngay sau khi dời đô, công việc kiến thiết Kinh đô được tiến hành khẩn trương. Thăng Long trở thành một đại công trường xây dựng trong suốt những năm đầu thế kỷ XI. Dáng vóc một Kinh đô bề thế xứng tầm với vị trí trung tâm của quốc gia độc lập và cường thịnh dần hình thành.

Ngay từ những ngày đầu tiên mới đặt chân đến Thăng Long, Lý Thái Tổ đã khẩn trương tổ chức xây dựng một số cung điện làm nơi ở và làm việc của triều đình và hoàng gia. Chiếm vị trí trung tâm và quan trọng nhất là điện Càn Nguyên, nơi vua và triều đình hội họp bàn luận chính sự.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết về hình ảnh Thăng Long thời kỳ Lý Thái Tổ mới định đô: “Lại xây dựng các cung điện trong Kinh thành Thăng Long, phía trước dựng điện Càn Nguyên làm chỗ coi châu, bên tả làm điện Tập Hiền, bên hữu dựng điện Giảng Võ. Lại mở cửa Phi Long thông với cung Nghê Xuân, cửa Đan Phượng thông với cửa Uy Viễn. Hướng chính nam dựng điện Cao Minh, đều có thềm rồng, trong thềm rồng có hành lang dẫn ra xung quanh bốn phía. Sau điện Càn Nguyên lại dựng hai điện Long An, Long Thụy làm nơi vua nghỉ. Bên tả xây điện Nhật Quang, bên hữu xây điện Nguyệt Minh, phía sau dựng hai cung Thúy Hoa, Long Thụy làm chỗ ở cho cung nữ. Dựng kho tàng đắp thành đào hào.... Lại ở trong thành làm chùa Ngự Thiên và tinh lâu Ngũ Phượng. Ngoài thành về phía nam dựng chùa Thắng Nghiêm”³⁵.

Năm sau, năm 1011, Lý Thái Tổ lại cho xây dựng một loạt các cung, điện, chùa kho ở Kinh thành Thăng Long như cung Đại Thanh ở bên tả, chùa Vạn Tuế, kho Trần Phúc ở bên hữu trong thành; chùa Tứ Đại Thiên Vương và các chùa Cẩm Y, Long Hưng, Thánh Thọ ở phía ngoài thành³⁶. Đặc biệt bên bờ sông Hồng, nơi đoàn thuyền dời đô ra cập bến, Lý Thái Tổ cho xây dựng thành một cảnh chính của Kinh thành Thăng Long. Tại đây, ông cho dựng điện Hàm Quang là một toà điện lớn mà nhiều lần vua ngự xem đua thuyền³⁷.

Năm 1012, cùng với việc sửa lại hai điện Long An, Long Thụy, Lý Thái Tổ sắc phong Hoàng Thái tử Phật Mã làm Khai Thiên Vương và cho “làm cung Long Đức ở ngoài thành cho ở, ý muốn cho Thái tử hiểu biết mọi việc của dân”³⁸.

Trong hơn một chục năm cuối đời, Lý Thái Tổ cho xây dựng trong Kinh thành Thăng Long nhiều kiến trúc Phật giáo như chùa Thiên Quang, Thiên Đức (năm 1016), nhà Bát giác chứa kinh (1021), kho Đại Hưng chứa kinh Tam tạng (1023) chùa Chân Giáo (1024)...

Có thể nói diện mạo Kinh đô Thăng Long thời Lý đã được thiết kế và thi công trên căn bản dưới thời Lý Thái Tổ³⁹. Các triều con cháu của ông về sau xây dựng mới nhiều kiến trúc quan trọng khác ở cả trong và ngoài Cẩm thành⁴⁰, nhưng trong thực tế những kiến trúc này chỉ bổ sung và hoàn thiện thêm quy mô, cấu trúc Kinh thành đã khá hoàn chỉnh dưới thời Lý Thái Tổ.

Khai quật khảo cổ học ở khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu từ năm 2003 đến nay, các nhà khảo cổ học đã phát hiện được nhiều di tích nền móng kiến trúc, móng tường bao, giếng nước và hệ thống đường cống thoát nước thời Lý. Các di tích này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tạo thành một quần thể di tích liên hoàn quy mô lớn, thể hiện trình độ cao trong quy hoạch đô thị, kỹ thuật xây dựng và nghệ thuật trang trí kiến trúc⁴¹.

Đồng thời với việc xây cất các cung điện, chùa gác là việc Lý Thái Tổ cho xây dựng hệ thống thành quách bao quanh, chia tách các khu Triều đình, Hoàng gia với các khu vực hành chính, quân sự, văn hóa...

Các sách *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Việt sử ký tiền biên*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đều chép khá thống nhất, dưới thời Lý công việc đắp thành chủ yếu được tổ chức vào hai thập kỷ đầu:

Năm 1010, sau khi hoàn tất việc dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La, vừa tiến hành xây dựng 8 điện, 3 cung, Lý Thái Tổ vừa cho đắp thành, đào hào, mở 4 cửa Tường Phù ở phía đông, Quảng Phúc ở phía tây, Đại Hưng ở phía nam, Diệu Đức ở phía bắc. Đây là vòng thành giữa (thời Lê gọi là Hoàng thành).

Khoảng 4 năm sau, năm 1014, ông lại cho “đắp thành đất ở bốn mặt kinh thành Thăng Long”⁴². Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* giải thích thêm là “bốn bề xung quanh ngoài kinh thành đều sai đắp thành đất cả”⁴³. Có thể chỉ ra một cách chính xác đây là vòng thành ngoài cùng và được gọi thống nhất là thành Đại La.

Năm 1029, khi Lý Thái Tổ vừa mới qua đời, Lý Thái Tông lên ngôi hoàng đế đã ngay lập tức cho xây dựng lại toà chính điện cùng một số cung điện ở trung tâm và “bên ngoài đắp một lần thành bao quanh gọi là Long Thành”⁴⁴. Vòng thành này theo chúng tôi là Cẩm thành. Tuy nhiên dưới thời Lý Thái Tổ cũng đã có Long Thành và khi đó cũng đã

xuất hiện tên gọi Cẩm thành cho vòng thành trong cùng⁴⁵, nhưng chắc là kiến trúc còn đơn sơ và mang tính hình thức.

Như thế, Thăng Long ba vòng thành mà chúng ta biết hiện nay, trên căn bản đã được xây dựng và hoàn chỉnh dưới thời trị vì của Lý Thái Tổ.

Cẩm thành là toà thành nằm trong Thăng Long thành (hay Hoàng thành), suốt thời Lý (kể cả thời Trần và thời Lê), phạm vi, cấu trúc hầu như không có sự thay đổi đáng kể. Có thể xác định phạm vi phía nam của Cẩm thành tương đương với vị trí Cột Cờ Hà Nội, phía tây tương đương với đường Hùng Vương, phía bắc và phía đông có thể chạy ra gần các đường Phan Đình Phùng, Phùng Hưng⁴⁶.

Khu công trường khai quật khảo cổ học ở 18 Hoàng Diệu nằm sát trục thần đạo trong Cẩm thành thành Thăng Long, mặc dù diện tích khai quật mới chiếm khoảng 6,73% so với toàn bộ khu Cẩm thành, nhưng cũng cho phép hình dung được diện mạo của Cẩm thành thành Thăng Long với những di tích kiến trúc đồ sộ và những di vật tiêu biểu cho đời sống và sinh hoạt cung đình của vua quan, quý tộc. Các di tích, di vật và tầng văn hoá chồng xếp lên nhau một cách khá liên tục qua các thời kỳ lịch sử phản ánh trình độ và bản sắc dân tộc của một trung tâm văn hoá lớn nhất và lâu đời nhất của đất nước.

Việc xác định phạm vi và vị trí cụ thể của Thăng Long thành thời Lý cho đến nay vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Căn cứ vào sử liệu và một số di tích còn lại, có thể xác định cửa Tường Phù mở ra phía Chợ Đông và khu phố buôn bán tấp nập của phường Giang Khẩu và đền Bạch Mã. Cửa Quảng Phúc mở ra phía tây mà vị trí cụ thể có nhiều khả năng nằm trên đường Kim Mã, đoạn tương đương với chùa Kim Sơn⁴⁷. Cửa Đại Hưng ở khoảng gần Cửa Nam hiện nay. Cửa Diệu Đức nhìn ra trước sông Tô Lịch, khoảng đường Quán Thánh.

Hoàng thành Thăng Long từ thời Lý (cả thời Trần, Lê) đều được chia ra thành hai khu tương đối độc lập là Chính trị và Quân sự. Khu Chính trị là khu quan trọng nhất của triều đình, được bảo vệ nghiêm ngặt và mức độ nghiêm ngặt càng ngày càng gia tăng cùng với sự phát triển của chế độ Trung ương tập quyền. Khu Quân sự lấy các hoạt động học hành, luyện tập, thao diễn quân sự của quân đội là chính, nhưng cũng có các cung điện, lầu gác, hành cung, chùa quán, vườn Thượng uyển, danh lam thắng cảnh, kho tàng của Nhà nước... phục vụ cho các hoạt động văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng, thưởng ngoạn của Hoàng đế và triều đình. Trong khu này ngoài các dinh thự của quan lại, khu gia binh, còn có cả khu vực sinh sống và sản xuất của những người làm việc và phục dịch trong Kinh thành. Thời Lý còn có nhiều cung, điện, phủ đệ, chùa quán, lầu gác của nhà vua và triều đình được cấy vào các khu dân gian.

Như vậy, trong gần 20 năm trị vì của mình, Lý Thái Tổ đã bước đầu hoàn chỉnh quy mô, cấu trúc thành Thăng Long theo mô hình "*tam trùng thành quách*". Nhưng mô hình này hoàn toàn không phải là sự sao chép hay rập khuôn theo nguyên mẫu của Trung Quốc, mà là sự tận dụng, thích ứng và nương theo địa hình gò bãi, sông nước, đầm hồ của vùng ngã ba Nhị Hà - Tô Lịch. Mục đích nhất quán của Lý Thái Tổ, Vương triều Lý và các vương triều tiếp theo là tạo dựng kinh thành tâm thế, thoáng rộng ở trung tâm làm thủ đô lâu dài, vĩnh viễn của đất nước. Hoàng thành Thăng Long không chỉ là vòng thành bao lấy Cẩm thành, tạo thêm độ nghiêm cẩn và bảo vệ an toàn cho Cẩm thành ở bên trong, mà còn bao lấy cả các khu luyện quân, giảng võ, khu đền, đài, cung, quán, kho tàng,

khu vườn thượng uyển với các danh lam thắng cảnh phục vụ nhu cầu văn hoá, tín ngưỡng cung đình.

Phía ngoài, cùng với một số cung điện và chùa tháp là khu vực cư trú, buôn bán, làm ăn của dân chúng gồm các bến chợ, phố phường và thôn trại nông nghiệp. Một vòng thành bao bọc toàn bộ khu vực này bắt đầu được xây đắp từ năm 1014, gọi là thành Đại La hay La Thành. Vòng thành này vừa làm chức năng thành lũy bảo vệ, vừa là đê ngăn lũ lụt. Thành được đắp mới và có tận dụng, tu bổ một phần thành Đại La cũ đời Đường.

Thành Đại La phía đông chạy dọc theo hữu ngạn sông Nhị như một đoạn đê của sông này từ Bến Nứa đến ô Đông Mác, phía bắc dựa theo bờ sông Tô Lịch ở phía nam Hồ Tây, phía tây cũng vẫn theo bờ sông Tô Lịch từ Bưởi đến ô Cầu Giấy, phía nam theo bờ sông Kim Ngưu qua Giảng Võ, ô Chợ Dừa, ô Cầu Dền, đến ô Đông Mác.

Đồng thời với việc triển khai xây dựng tổng thể, trên quy mô lớn các cung điện, chùa, đền, thành quách là việc mở mang chợ búa, bến cảng, phường thợ, phố xá... khiến bộ mặt đô thị Thăng Long thay đổi hẳn so với trước. Cửa Đông thành Thăng Long xưa mở ra khu trung tâm của phố cổ Hà Nội bây giờ, với nhiều phường, phố, chợ, bến, trên bến dưới thuyền, buôn bán tấp nập. Hai cảng quan trọng và sầm uất nhất của Thăng Long đều nằm ở đây là bến Giang Khẩu (khoảng Hàng Buồm) và bến Triều Đông (Đông Bộ Đầu, khoảng dốc Hoè Nhai). Cửa Tây thành Thăng Long có thể mở ra gần khu vực Thủ Lệ, Cầu Giấy. Khu vực này cùng với Bưởi và phụ cận bên Hồ Tây, hồ Trúc Bạch ở phía ngoài cửa Bắc, không chỉ là trung tâm làm giấy lâu đời mà còn là vùng có các nghề dệt lĩnh, dệt vải nổi tiếng.

Không có tư liệu trực tiếp, nhưng qua các nguồn tư liệu gián tiếp vẫn có thể hình dung khu vực “thị” của Thăng Long thời Lý cũng được gọi là “phường” và cấp phường là cấp quản lý hành chính cơ sở ở đô thị Thăng Long thời Lý⁴⁸. Khó có thể thống kê được đầy đủ cả 61 phường ở Kinh thành Thăng Long thời Lý, nhưng tư liệu vẫn cho phép xác định được một số phường như Thái Hoà, Đông Tác, Giang Khẩu, Thái Cực, Toán Viên, Hạc Kiều, Kim Cổ, Khúc Phố, Đông Hà, Báo Thiên, Tàng Kiếm, Phục Cổ, Tả Nhất, Phong Vân, Khang Thọ, Ông Mạc, Bồ Cái, Tây Nhai, Vĩnh Xương, Thịnh Quang, Xá Đàn, Cơ Xá, Hoè Nhai, Giang Tân, Yên Hoa, Các Đài, Nhai Tuân... Các phường hình thành một cách tự nhiên và không theo một quy hoạch ô vuông cân đối như nhiều đô thị khác thời trung đại.

Thành Thăng Long từ trung tâm chính trị của nhà nước quân chủ đã sớm phát triển thành một trung tâm kinh tế, văn hoá, một đô thị phát đạt nhất của quốc gia Đại Việt.

Cùng với các phường, phố, chợ, bến, ngay trong Kinh thành Thăng Long cũng vẫn còn những xóm làng sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, các trại trồng dâu nuôi tằm, khu ruộng quốc khổ... Quan hệ đối thoại nông thôn - thành thị vốn đã định hình từ các thời kỳ trước, bây giờ đây trở nên thường xuyên hơn và đột khởi biến Thăng Long thành một trung tâm kinh tế - văn hoá có sức thu hút và lan toả mạnh nhất của vùng châu thổ sông Hồng và toàn bộ khu vực Bắc Bộ.

Nét độc đáo của kiến trúc Thăng Long thời Lý là sự hoành tráng, bề thế và lộng lẫy của các kiến trúc Phật giáo hay các kiến trúc mang phong cách Phật giáo. Lê Văn Hưu đời Trần cho hay Lý Thái Tổ “xây tháp cao ngất trời, dựng cột chùa đá, điện thờ Phật lộng lẫy hơn cả cung vua” và phê phán ông đã tiêu phí của cải sức lực vào việc thờ mộc không biết chừng nào mà kể. Điều này, trái lại, góp phần khẳng định một thực tế là Lý Thái Tổ đã hết

mục dân thân để có một kinh đô to đẹp, đàng hoàng cho Vương triều và cho đất nước mãi muôn đời.

Quyết định dời đô và tạo dựng kinh đô mới ở Thăng Long là sự kiện trọng đại, đánh dấu bước phát triển vượt bậc của Vương triều Lý và quốc gia Đại Việt. Nhà sử học Ngô Thì Sĩ (thế kỷ XVIII) ca ngợi: “Lý Thái Tổ lên ngôi, chưa vội làm việc khác, mà trước tiên mưu tính việc định đô đặt đình, xét về sự quyết đoán sáng suốt, mưu kế anh hùng, thực những vua tầm thường không thể theo kịp. Cho nên truyền ngôi hơn 200 năm, đánh giặc Tống, dẹp giặc Chiêm, nước mạnh dân giàu, có thể gọi là đời rất thịnh trị”⁴⁹.

*

* * *

Vương triều Lý do Lý Thái Tổ sáng lập đã mở ra một thời kỳ phục hưng toàn diện của đất nước.

Nước Đại Việt thời Lý là một quốc gia thống nhất với một hệ thống chính quyền mạnh và cơ sở cổ kết xã hội vững; với một cơ sở kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp phát triển, trao đổi buôn bán trong nước, quan hệ quốc tế rộng mở; với các kỳ công phá Tống, bình Chiêm, giữ vững chủ quyền quốc gia dân tộc và góp phần nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

Nước Đại Việt thời Lý nhanh chóng trở thành một quốc gia độc lập, thống nhất và cường thịnh ở Đông Nam Á, trong đó Thăng Long là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá lớn nhất của đất nước, nơi kết tinh tinh hoa văn hoá dân tộc, nơi thu nhận, tiếp biến và toả sáng giá trị văn minh nhân loại.

Lý Thái Tổ sáng lập Vương triều Lý, định đô Thăng Long, thi hành các chính chính sách đối nội, đối ngoại vừa phù hợp với yêu cầu xây dựng đất nước trước mắt, vừa “làm kế cho con cháu muôn vạn đời”. Ông đã đặt cơ sở nền tảng cho toàn bộ quá trình phát triển vượt bậc của Vương triều Lý, của quốc gia Đại Việt, mở ra một kỷ nguyên huy hoàng của lịch sử Việt Nam.

Lý Thái Tổ “ứng mệnh trời, thuận lòng người, nhân thời mở vận”⁵⁰, trở thành vị Hoàng đế đầu tiên vĩ đại bậc nhất của lịch sử Việt Nam, có tầm nhìn và sự nghiệp thiên niên kỷ.

CHÚ THÍCH

¹ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tr.240.

² *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.237-238.

³ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr.237 chép: “Ở hương Diên Uẩn, châu Cổ Pháp có cây gạo bị sét đánh, người hương ấy xem kỹ dấu sét đánh thấy có chữ: “Thụ căn diều diều, mộc biểu thanh thanh, hoà đao mộc lạc, thập bát tử thành...” (Gốc cây thăm thăm, ngọn cây xanh xanh, cây hoà đao rụng, mười tám hạt thành...)... Mấy câu này ý nói là vua thì non yếu, bề tôi thì cường thịnh, họ Lê mất, họ Lý nổi lên”.

⁴ *Việt sử lược*, NXB Thuận Hóa, Huế, 2005, tr.71.

- ⁵ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.238.
- ⁶ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.238. (chữ “Lý” nghĩa là cây mận)
- ⁷ Nguyễn Xuân Cần - Anh Vũ, *Truyền thuyết Vương triều Lý*, Hà Nội, 2001, tr.167-173.
- ⁸ Lưu Khánh Đàm quê ở Lưu Xá, xã Canh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Theo *Ngọc phá đền Lưu Xá* thì ông cũng là người có công đưa Lý Công Uẩn lên ngôi Hoàng đế. Điều này xác nhận một thực tế là Lý Công Uẩn có cả một quá trình vận động chuẩn bị lực lượng cho việc thành lập Vương triều, không chỉ trong giới Phật giáo, mà còn mở rộng ra các tầng lớp quan lại, binh sỹ và nhân dân ở các địa phương.
- ⁹ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.238.
- ¹⁰ *Việt sử lược*, sđd, tr 73-74.
- ¹¹ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.237.
- ¹² Bài sấm ở Dương Lôi như sau: “... Thổ kê thử nguyệt nội/ Định kiến nhật xuất thanh” (*Trong tháng Chuột, năm Gà, giờ Thỏ/ Mặt trời rục rờ trên mây xanh*).
- ¹³ Tham khảo thêm Lê Thành Lâm: *Về ngày đăng quang của Lý Thái Tổ* và Phan Đại Doãn: *Về ngày tháng Lý Thái Tổ làm lễ đăng quang lên ngôi Hoàng đế*, trong *Làng Dương Lôi với Vương triều Lý*, NXB Văn hoá Dân tộc, Hà Nội, 2000, tr.244-251.
- ¹⁴ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.239.
- ¹⁵ *Việt sử lược*, sđd, tr.74.
- ¹⁶ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.243.
- ¹⁷ *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập 2, NXB Sử học, Hà Nội, 1961, tr.7, 30.
- ¹⁸ *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quan chức chí, tập 2, sđd, tr.7, 31.
- ¹⁹ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.243.
- ²⁰ Các địa điểm buôn bán ở biên giới Trung - Việt lúc này được gọi là “*bạc dịch trường*”, cũng được mở ra nhiều, trong đó tiêu biểu là ở Khâm Châu, Hoàn Sơn, Vĩnh Bình...
- ²¹ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.241.
- ²² *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.242.
- ²³ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.245.
- ²⁴ *Sách Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết ít nhất là vào các năm 1012, 1014, 1020, 1025, 1026 nước Chân Lạp cho người sang cống nhà Lý.
- ²⁵ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.241.
- ²⁶ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.241.
- ²⁷ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.241.
- ²⁸ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.241.
- ²⁹ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.241.
- ³⁰ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.241.
- ³¹ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.241.
- ³² Nguyễn Thế Vinh, “Thêm vài tư liệu về Thái sư Á vương Đào Cam Mộc”, *Xưa và Nay*, số 355 (5/2010).
- ³³ Ở Đọi Sơn đến nay vẫn còn lưu truyền huyền thoại “Rồng đội núi” nói việc dân làng Đọi Tam làm trống đón rước triều đình đời đô (Lương Hiền, *Danh thắng chùa Đọi*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2001, tr. 116-117).
- ³⁴ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.241.
- ³⁵ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.241.
- ³⁶ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.242.
- ³⁷ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.243.
- ³⁸ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.243.

- ³⁹ Sau khi Lý Thái Tổ qua đời, năm 1029, ở khu vực Cẩm thành, bên cạnh điện Thiên An được xây dựng quy mô hơn thay cho điện Càn Nguyên, Lý Thái Tông còn cho dựng thêm một số điện, gác, lầu, lầu chuông, hành lang ở sân Long Trì... Tất cả những công trình kiến trúc mới được xây dựng hay tu sửa trong các năm 1029, 1030 đều nằm trong thiết kế Kinh đô của Lý Thái Tổ.
- ⁴⁰ Những kiến trúc quan trọng này chủ yếu lại nằm ở ngoài Cẩm thành như đàn Xã Tắc (1048), chùa Diên Hựu (1049), tháp Báo Thiên (1057), Văn Miếu (1070), đàn Nam Giao (1154)...
- ⁴¹ Tham khảo Tổng Trung Tín, "Dấu ấn Vương triều Lý sau 1000 năm từ phát hiện của Khảo cổ học tại Khu di tích Hoàng thành Thăng Long", trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *1000 năm Vương triều Lý và Kinh đô Thăng Long*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2009, tr. 115-123.
- ⁴² *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.244.
- ⁴³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, sđd, tr.292.
- ⁴⁴ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.254.
- ⁴⁵ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.248. Sách chép: "Ba Vương... nghe tin đều đem quân ở phủ mình vào phục sẵn trong Cẩm thành. Đông Chinh Vương phục ở trong Long Thành, hai Vương Dực Thánh, Vũ Đức phục ở trong cửa Quảng Phúc, đợi Thái tử đến thì đánh úp". Sau khi lên ngôi, Lý Thái Tông cho cải tạo lại toàn bộ vùng Cẩm thành và xây dựng lại Long Thành có lẽ là vì chuyện này.
- ⁴⁶ Như thế, có lẽ nhà Nguyễn đã sử dụng gần như cả 4 cạnh của Cẩm thành Thăng Long để xây dựng thành Hà Nội (hay có thể nói thành Hà Nội thời Nguyễn gần trùng với Cẩm thành Thăng Long thời Lý, Trần, Lê).
- ⁴⁷ Chúng tôi đoán như vậy là vì chùa Kim Sơn được dân gian quan niệm nằm ở phía ngoài "đuôi rồng", vốn là vùng pháp trường thời Lý. Vua chúa đời xưa thường hay xử án tội nhân ở khu vực chợ cổng thành. Như thế có thể chùa Kim Sơn nằm ngoài một cổng thành thời Lý, mà nếu đúng như vậy thì đây là cổng thành phía tây, tức là cửa Quảng Phúc. Vấn đề còn phải được nghiên cứu kỹ thêm.
- ⁴⁸ Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép vào mùa xuân, tháng 3 năm 1230, Trần Thái Tông cho hiệu chỉnh lại các cơ quan quản lý kinh đô và tiến hành "định các phường về hai bên tả hữu của kinh thành, *bắt chước đời trước chia làm 61 phường*". Như thế, Thăng Long 61 phường là mô hình tổ chức kinh đô đã có từ đời Lý, đến đây được chính thức xác nhận và hoạch định lại. Điều này cũng được phản ánh trong các nguồn tư liệu khác như Lý Thường Kiệt là người phường Thái Hoà, Thiền sư Đại Xá là người họ Hứa ở phường Đông Tác...
- ⁴⁹ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.242.
- ⁵⁰ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, sđd, tr.240.